

Bản án số: **90/2025/DS- PT**

Ngày: 26/02/2025.

Vv: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất,
hủy hợp đồng tặng cho quyền sử
dụng đất, hủy giấy CNQSD đất*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán:

Ông Trần Xuân Thảo;

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự 610/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy Giấy CNQSD đất*”.

Do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1066/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 2 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh H, sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Bà Phùng Thị T, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

2. Y, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bình Đ - Phó chủ tịch huyện Y, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn anh Lê Thanh H trình bày: Anh và vợ là chị Nguyễn Thị N (hiện đã ly hôn), có diện tích 150m² đất ở tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y, tỉnh

Nam Định. Ngày 26/4/2011 đã được Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: Giấy CNQSD đất) số BE 244703 đứng tên anh và chị Nguyễn Thị N. Trong thời gian anh làm việc tại Hàn Quốc anh có nhờ bà Phùng Thị T (mẹ đẻ anh) giữ hộ Giấy CNQSD đất. Ngày 17/01/2012 UBND huyện Ý cấp Giấy CNQSD đất nêu trên cho bà Phùng Thị T, dựa trên cơ sở “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC ngày 06/12/2011” giữa bên tặng cho là anh và chị Nguyễn Thị N và bên được tặng cho là bà Phùng Thị T. Anh H khẳng định anh và chị Nguyễn Thị N không ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC ngày 06/12/2011 vì thời điểm này anh đang lao động tại Hàn Quốc (từ tháng 6/2009 đến tháng 6/2012 mới về Việt Nam). Anh H yêu cầu Toà án giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC ngày 06/12/2011 giữa anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị N với bà Phùng Thị T là vô hiệu.

- Buộc bà Phùng Thị T trả lại cho anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị N diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Ý.

- Huỷ Giấy CNQSD đất số BE 224319, ngày 17/01/2012 của UBND huyện Ý đã cấp cho bà Phùng Thị T đối với diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y.

Bị đơn bà Phùng Thị T trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện đang xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Thanh H với bà là do vợ chồng anh H chị N mua lại của ông Phùng Đình C với giá 70.000.000đ, năm 2011 anh H chị N đã được UBND huyện Ý cấp Giấy CNQSD đất. Khoảng tháng 11/2011, anh H đang ở Hàn Quốc có liên lạc với ông Phùng Đình C là cậu họ đề nhờ làm thủ tục sang tên Giấy CNQSD đất từ vợ chồng anh H chị N sang cho bà. Tại thời điểm làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/12/2011 tại UBND xã Y, huyện Y thì anh H đang ở Hàn Quốc, chị N đang nuôi con nhỏ nên chữ ký trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/12/2011 có phải của anh H và chị N không thì bà không biết. Đối với chữ ký của bà tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/12/2011 và các văn bản để hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho bà bà cũng không biết và cũng không ký vào các tài liệu này, bà không đến UBND xã Y để ký vào giấy tờ nào. Bà có quan điểm sẽ trả lại thửa đất trên cho anh H; tuy nhiên anh H và cơ quan pháp luật phải làm rõ ai là người đã đứng ra làm các thủ tục để bà được cấp Giấy CNQSD đất cho bà để lấy lại danh dự cho bà. Buộc anh H phải trả cho bà phần công sức đóng góp để xây nhà, san lấp thửa đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh H trước đây là vợ chồng, năm 2019 anh chị đã ly hôn; về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa anh H và bà T là tài sản riêng của anh H. Do tại thời điểm được cấp Giấy CNQSD đất năm 2011 anh H và chị là vợ chồng, nên Giấy CNQSD đất đứng tên anh H và chị. Năm 2011 việc anh H và mẹ anh H là bà T làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y như thế nào chị không biết, chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị N” trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC ngày 06/12/2011 có chứng thực của Chủ tịch UBND xã Y, huyện Y không phải là chữ ký và chữ viết của chị; ngày 06/12/2011 chị N không đến UBND xã Y để ký kết bất kỳ giấy tờ gì. Chị N có quan điểm thửa đất đang có tranh chấp là tài sản riêng của anh H, không liên

quan gì đến chị và đề nghị Toà án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không triệu tập chị trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện UBND huyện Y trình bày: Anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị N được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất số BE 244703, ngày 26/4/2011 với diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y. Sau khi nhận được bộ hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của bà Phùng Thị T, ngày 17/01/2012 UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 360/QĐ-UBND về việc cấp Giấy CNQSD đất số BE 224319 cho bà Phùng Thị T. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

UBND xã Y, huyện Y trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Thanh H và bà Phùng Thị T do anh Lê Thanh H trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất số BE 244703, ngày 26/4/2011 với diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y. Ngày 06/12/2011 anh Lê Thanh H và vợ là chị Nguyễn Thị N đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC để tặng cho thửa đất trên cho bà Phùng Thị T là mẹ đẻ anh H và được Chủ tịch UBND xã Y, huyện Y chứng thực; sau khi hoàn thiện hồ sơ, ngày 17/01/2012 UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 360/QĐ-UBND về việc cấp Giấy CNQSD đất số BE 224319 cho bà Phùng Thị T.

Ông Hoàng Đình K nguyên Chủ tịch UBND xã Y và ông Nguyễn Hữu T1 nguyên cán bộ địa chính xã Y trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Thanh H và bà Phùng Thị T do anh Lê Thanh H trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất. Đối với chữ ký đại diện bên A và đại diện bên B trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 5/TC, ngày 06/12/2011 có phải là chữ ký của anh Lê Thanh H, chị Nguyễn Thị N và bà Phùng Thị T hay không, có ký trước mặt Chủ tịch UBND xã Y hay không, do thời gian đã lâu nên các ông không nhớ. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, ngày 17/01/2012 UBND huyện Y đã ban hành Quyết định cấp Giấy CNQSD đất số BE 224319 cho bà Phùng Thị T.

Người làm chứng, ông Phùng Đình C trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Thanh H và bà Phùng Thị T do anh Lê Thanh H trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất, không phải của ông chuyển nhượng cho anh H. Quá trình sử dụng anh H và bà T làm thủ tục tặng cho thửa đất trên cho nhau như thế nào ông không biết, ông không liên quan đến tranh chấp đất đai của mẹ con bà T anh H.

Hồ sơ địa chính xã Y thể hiện: Nguồn gốc thửa đất đang xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Thanh H và bà Phùng Thị T do anh Lê Thanh H trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất số BE 244703, ngày 26/4/2011 với diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính lập năm 2006 khu Rãnh Chiều Kênh, xã Y, huyện Y có tứ cận: Cạnh Đông giáp đường = 8m; cạnh Tây giáp rãnh thoát nước = 8m; cạnh Nam giáp đất hộ ông C = 18,75m; cạnh Bắc giáp đất hộ bà Đ1 (K1) = 18,75m. Ngày 06/12/2011 có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC đối với thửa đất trên giữa anh Lê Thanh

H và vợ là chị Nguyễn Thị N tặng cho bà Phùng Thị T (bà T là mẹ đẻ anh H) và được Chủ tịch UBND xã Y, huyện Ý chứng thực; ngày 17/01/2012 UBND huyện Ý đã ban hành Quyết định cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phùng Thị T; bà Phùng Thị T được cấp Giấy CNQSD đất số BE 224319, ngày 17/01/2012.

Tại văn bản số 2350/QLXNC-P3, ngày 30/01/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin về việc xuất nhập cảnh của anh Lê Thanh H, cụ thể: Xuất cảnh ngày 07/8/2006, nhập cảnh ngày 26/5/2009; xuất cảnh ngày 24/6/2009, nhập cảnh ngày 22/7/2010; xuất cảnh ngày 11/8/2010, nhập cảnh ngày 20/6/2012.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Ý có tứ cận: Cạnh Đông giáp đường = 8m; cạnh Tây giáp rãnh thoát nước = 8m; cạnh Nam giáp đất hộ ông C = 18,75m; cạnh Bắc giáp đất hộ bà Đ1 (K1) = 18,75m; tổng diện tích 150m² đất, trên đất hiện không có công trình xây dựng. Kể từ thời điểm bà T được cấp Giấy CNQSD đất đến nay thì thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính lập năm 2006 tại khu R, xã Y, huyện Ý vẫn nguyên trạng, bà T không vượt lập đất hay xây dựng công trình gì trên đất. Các công trình bà T xây dựng nằm hoàn toàn trên thửa đất của bà Đ1 (ông K1), là thửa đất giáp với thửa đất đang xảy ra tranh chấp.

Kết quả định giá ngày 28/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y: Đất ở có giá 6.522.000đ/m². Tổng trị giá tài sản là 150m² x 6.522.000đ/m² = 978.300.000 (chín trăm bảy mươi tám triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 122, 127, 128, 137, 410, 465, 467, 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 99, 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 5 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 41, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh H đối với bị đơn bà Phùng Thị T.

2. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC, ngày 06/12/2011 giữa anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị N với bà Phùng Thị T vô hiệu.

3. Buộc bà Phùng Thị T có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Thanh H 150m² đất ở tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính lập năm 2006 khu Rãnh Chiều Kênh, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định có tứ cận: Cạnh Đông giáp đường = 8m; cạnh Tây giáp rãnh thoát nước = 8m; cạnh Nam giáp đất hộ ông C = 18,75m; cạnh Bắc giáp đất hộ bà Đ1 (K1) = 18,75m.

4. Kiến nghị UBND huyện Y thu hồi Giấy CNQSD đất số BE 244319, ngày 17/01/2012 cấp cho hộ bà Phùng Thị T với diện tích đất 150m² đất ở tại thửa đất số

09, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính lập năm 2006 khu Rãnh Chiều Kênh, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh H hỗ trợ cho bà Phùng Thị T 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

6. Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp Giấy CNQSD đất theo quyết định của bản án

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/06/2024, bị đơn bà Phùng Thị T có đơn kháng cáo, bà đồng ý trả lại đất cho anh H với điều kiện anh H phải trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phùng Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

- Anh H đồng ý hỗ trợ cho bà T số tiền 200.000.000 đồng (tăng 100.000.000 đồng so với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đánh giá các yêu cầu của các đương sự, có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc đồng ý hỗ trợ cho bà T số tiền 200.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phùng Thị T có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận việc kháng cáo quá hạn tại Quyết định số 70/2024/QĐ-DS ngày 27/9/2024 nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp theo quy định tại các Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thời hiệu quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y có nguồn gốc do anh H trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Anh Lê Thanh H và vợ là Nguyễn Thị N được UBND huyện Y cấp Giấy CNQSD đất số BE 244703, ngày 26/4/2011. Ngày 06/12/2011, Chủ tịch UBND xã Y, huyện Y đã chứng thực vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC giữa bên tặng cho là anh Lê Thanh H và chị Nguyễn Thị N và bên được tặng cho là bà Phùng Thị T. Ngày

17/01/2012 UBND huyện Y đã cấp Giấy CNQSD đất số BE 224319 cho bà Phùng Thị T.

[3.2] Anh H khẳng định không ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC ngày 06/12/2011, bởi thời gian đó anh đang lao động tại Hàn Quốc, được chứng minh bằng ngày xuất cảnh và nhập cảnh tại Hộ chiếu số B3140504 và văn bản số 2350/QLXNC-P3, ngày 30/01/2024 của Cục Q Bộ C1 cung cấp thông tin về việc xuất nhập cảnh của anh Lê Thanh H (xuất cảnh ngày 11/8/2010, nhập cảnh ngày 20/6/2012). Bà T cũng thừa nhận tại thời điểm lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên thì anh H đang ở Hàn Quốc, chị N đang nuôi con nhỏ nên chữ ký trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/12/2011 có phải của anh H và chị N không thì bà T không biết. Đối với chữ ký của bà T tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/12/2011 và các văn bản để hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất thì bà T cũng không biết và không ký vào các tài liệu này, bà T không đến UBND xã Y, huyện Ý để ký vào văn bản nào. Chị Nguyễn Thị N trình bày, năm 2011 việc anh H và mẹ anh H là bà T làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Ý chị không biết; chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị N trong Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC ngày 06/12/2011 có chứng thực của Chủ tịch UBND xã Y không phải là chữ ký và chữ viết của chị; ngày 06/12/2011 chị N không đến UBND xã Y để ký kết bất kỳ giấy tờ gì. Như vậy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 05/TC, ngày 06/12/2011 giữa anh H chị N với bà T đã vi phạm quy định tại các Điều 122, 127, 128 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh H chị N với bà T vô hiệu là có căn cứ.

[3.3] Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh Lê Thanh H, chị Nguyễn Thị N với bà Phùng Thị T bị vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ hướng dẫn tại mục 2 phần II Công văn số 64/TANDTC-PC, ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao để kiến nghị UBND huyện Y thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Phùng Thị T để cấp lại Giấy CNQSD đất cho anh Lê Thanh H là đúng pháp luật.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N có quan điểm diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Y là tài sản riêng của anh H, không liên quan gì đến chị. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T lại diện tích 150m² đất ở, tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Ý cho anh H là chính xác.

[3.5] Đối với yêu cầu của bà T về việc buộc anh H phải trả cho bà phần công sức san lấp thửa đất, xây dựng các công trình trên đất: Sau khi được cấp Giấy CNQSD đất bà T đã san lấp và xây dựng các công trình trên đất, tuy nhiên việc san lấp và xây các công trình của bà T lại nằm hoàn toàn trên thửa đất đứng tên ông K1 (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 05 khu R, xã Y, huyện Ý) giáp với thửa đất số 09 của anh H. Kể từ thời điểm bà T được cấp Giấy CNQSD đất đến nay thì thửa đất số 09, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính lập năm 2006 khu Rãnh Chiều Kênh, xã Y, huyện Y vẫn nguyên trạng là đất trống, bà T không vượt lập đất hay xây dựng công trình gì trên đất. Do anh H không có bất cứ hành vi nào làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên yêu cầu của bà T buộc anh H phải có nghĩa vụ bồi

thường là không có căn cứ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh H có quan điểm sẽ hỗ trợ cho bà T 100.000.000 đồng vì bà là mẹ anh H, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là có lợi cho bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H đã tự nguyện, đồng ý hỗ trợ cho bà T với số tiền 200.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa nội dung này của bản án sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà T do bà là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phùng Thị T.

2. Sửa một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định như sau: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm về việc tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phùng Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA; Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh